

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về *phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới* (viết tắt là Nghị Quyết số 36-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Qua hơn 18 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 04/3/2005 của Ban Bí thư về *đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*, Kết luận số 06-KL/TW, ngày 01/9/2016 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện triển khai Chỉ thị số 50-CT/TW, các cấp ủy đảng, chính quyền trong tỉnh đã nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công nghệ sinh học. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn lực về công nghệ sinh học được quan tâm, tập trung đầu tư phát triển. Các hoạt động ứng dụng công nghệ sinh học được áp dụng rộng rãi tại các lĩnh vực nông nghiệp, y tế, môi trường... đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh còn nhiều hạn chế, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh, đặc biệt là nguồn nhân lực khoa học công nghệ và tài nguyên biển đảo; một số kết quả nghiên cứu chỉ mới dừng ở mức độ quy mô phòng thí nghiệm, việc ứng dụng vào thực tiễn và mở rộng sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh còn gặp khó khăn, chưa có cơ chế huy động và khuyến khích nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ sinh học...

Nguyên nhân của những hạn chế do nguồn lực đầu tư của địa phương cho các dự án phát triển công nghệ sinh học và các phòng thí nghiệm về công nghệ sinh học chưa đáp ứng yêu cầu; đội ngũ cán bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học chưa được đào tạo chuyên sâu và phân tán ở nhiều lĩnh vực, cơ quan, đơn vị; công tác phối hợp, liên kết giữa các nhà khoa học, viện trường với

địa phương, doanh nghiệp trong phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học chưa trọng tâm và hiệu quả chưa cao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Xây dựng Khánh Hòa trở thành một trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học về lĩnh vực y dược và công nghệ sinh học biển trong khu vực các tỉnh vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên; đưa ngành công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh; góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 09/NQ-TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về *định hướng xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045*.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030

Xây dựng và thực hiện hiệu quả một số cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng, chuyển giao công nghệ sinh học. Nhất là chính sách thu hút các doanh nghiệp khoa học và công nghệ nghiên cứu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm công nghệ sinh học phục vụ sản xuất, đời sống. Đưa tỉnh Khánh Hòa trở thành một trong những địa phương của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây nguyên phát triển mạnh về ứng dụng công nghệ sinh học, phục vụ phát triển kinh tế biển.

Hỗ trợ từ 5 - 10 doanh nghiệp khoa học và công nghệ nghiên cứu ứng dụng, tiếp nhận công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ sinh học vào thực tiễn sản xuất để tạo ra sản phẩm thuộc một số lĩnh vực thế mạnh của tỉnh như: hóa dược, nông nghiệp thủy sản, sản xuất giống, vắc xin thủy sản, các hoạt chất sinh học từ biển, các chế phẩm sinh học trong nông nghiệp, yển sào... đáp ứng đủ điều kiện sản xuất và hướng đến khả năng xuất khẩu.

Phát triển và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực công nghệ sinh học có chất lượng cao, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, tài chính đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, hợp tác công - tư trong hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ sinh học; đặc biệt là công nghệ sinh học thể hệ mới từ biển.

Đến năm 2045: Khánh Hòa trở thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học hàng đầu trong khu vực; hoạt động hiệu quả, phát triển nhanh các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, sản xuất và dịch vụ

thông minh trong các lĩnh vực có ứng dụng công nghệ sinh học.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Thống nhất nhận thức về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong tình hình mới

Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt là tuyên truyền, giới thiệu thành tựu công nghệ sinh học bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp, nhằm nâng cao nhận thức cán bộ, đảng viên, Nhân dân và doanh nghiệp về tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Xác định nhiệm vụ phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học là một trong những nội dung của chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các sở, ngành, đơn vị và địa phương. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân điển hình hoạt động hiệu quả trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

2. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan đến phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Rà soát, áp dụng và vận hành một số cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh đặc biệt là trong hoạt động khoa học công nghệ để phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học, bảo đảm an toàn sinh học, cụ thể:

- Tăng cường thiết chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Phát triển đồng bộ, gắn kết chặt chẽ các ngành khoa học với doanh nghiệp, ưu tiên nâng cao năng lực đón đầu các ứng dụng công nghệ sinh học thế hệ mới, tiên phong ở trình độ cao.

- Có chính sách ưu tiên, phù hợp để tiếp nhận công nghệ tiên tiến, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học có giá trị cao trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y dược, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học biển.

- Xây dựng, triển khai các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp tỉnh về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học. Hình thành thiết chế để bảo đảm môi liên kết, gắn bó giữa các tổ chức khoa học, các viện,

trường trung ương đóng trên địa bàn, doanh nghiệp và cá nhân trong nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Triển khai cơ chế đầu tư và tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học trên cơ sở đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên cơ chế đặt hàng nhiệm vụ khoa học công nghệ gắn với kết quả và hiệu quả đầu ra của sản phẩm.

Huy động, phát huy tối đa các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, thí điểm thực hiện cơ chế hợp tác công - tư để huy động nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân cho hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học lĩnh vực công nghệ sinh học đặc biệt là công nghệ sinh học từ tài nguyên biển.

3. Tập trung phát triển, ứng dụng hiệu quả công nghệ sinh học trong sản xuất và đời sống; phát triển công nghệ sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương

Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp, kinh tế biển nhằm tạo ra các giống thủy hải sản có giá trị, cây trồng, vật nuôi thích nghi với biến đổi khí hậu, chống chịu sâu bệnh, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao; các vắc xin và chế phẩm sinh học phòng bệnh cho thủy sản, vật nuôi, cây trồng, nhất là các loại dịch bệnh nguy hiểm, mới phát sinh, góp phần thực hiện thành công “Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030”. Phát triển, ứng dụng, hiện đại hoá công nghệ sinh học trong công nghệ chế biến các sản phẩm đặc trưng của tỉnh như yến sào, thủy sản, sản phẩm tham gia chương trình OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, sản phẩm công nghệ cao... nhằm tạo ra các sản phẩm an toàn, hiệu quả, có giá trị kinh tế cao.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực y dược và chăm sóc sức khỏe. Tập trung nghiên cứu, sản xuất thuốc, vắc xin đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh cho người dân; nghiên cứu công nghệ tế bào gốc trong công nghệ dược phẩm, công nghệ gen, sản xuất nguyên liệu và các loại thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược; Bảo tồn, phát triển và sử dụng hiệu quả các loại cây dược liệu quý hiếm (*cây sâm Ngọc linh, Xáo tam phân, Gió bầu...*), các loài sinh vật biển có hoạt tính sinh học có giá trị trong lĩnh vực hóa dược theo Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh.

Quan tâm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên đa dạng sinh học, đặc biệt là tài nguyên sinh vật biển:

Hệ sinh thái rạn san hô, cỏ biển, các loài thủy hải sản quý hiếm ...; kết hợp công tác bảo tồn, khai thác hợp lý các hệ sinh thái đặc trưng, khai thác tài nguyên biển đảo gắn kết với các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao kết hợp chăm sóc sức khỏe, dịch vụ khám chữa bệnh; giảm thiểu suy thoái, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; sản xuất nhiên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường, phát huy tiềm năng kinh tế biển.

Hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ sinh học để nâng cao năng lực tiếp cận các công nghệ mới, sở hữu trí tuệ; nghiên cứu sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học; xây dựng thương hiệu, thương mại hoá sản phẩm; khai thác, sử dụng hiệu quả các phát minh, sáng chế công nghệ sinh học có giá trị cao của thế giới có khả năng ứng dụng hiệu quả trong lĩnh vực công nghiệp sinh học của địa phương và doanh nghiệp.

4. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học

Tận dụng có hiệu quả nguồn nhân lực khoa học chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học từ các viện, trường trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thông qua các chính sách đặt hàng trong nghiên cứu khoa học, xây dựng và thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh để nghiên cứu và tạo ra các sản phẩm đáp ứng nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp. Tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp công nghệ sinh học, đơn vị sử dụng lao động với các cơ sở đào tạo nhân lực công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng đội ngũ nhà khoa học có chuyên môn sâu trong lĩnh vực công nghệ sinh học. Tập trung đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, trong đó ngân sách nhà nước chủ yếu đầu tư nâng cao năng lực nghiên cứu làm chủ công nghệ lõi, phát triển sản phẩm công nghệ sinh học mà địa phương có lợi thế. Có cơ chế phối hợp để phát huy năng lực hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm từ các viện, trường trung ương đóng trên địa bàn phục vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực công nghệ sinh học.

Hỗ trợ, phát triển các cơ sở, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học; nâng cao năng lực doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hiện đại hoá công nghệ, thiết bị ứng dụng công nghệ sinh học tạo ra sản phẩm công nghệ mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

5. Đẩy mạnh hợp tác về công nghệ sinh học

Phát huy lợi thế của các viện nghiên cứu, trường đại học trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (*các viện: Pasteur Nha Trang, Hải dương học Nha Trang, Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản III, Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang; Trung tâm Nhiệt đới Việt Nga - Chi nhánh ven biển; Phân viện Thú y miền Trung; Trường Đại học Nha Trang; ...*) về công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ sinh học; phát huy nguồn nhân lực, sử dụng các trang thiết bị, phòng thí nghiệm hiện đại, tiên tiến phục vụ nhu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; phối hợp đề xuất triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao trong lĩnh vực công nghệ sinh học từ đặt hàng của tỉnh và của Doanh nghiệp.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ sinh học để thúc đẩy và triển khai thực hiện các chính sách, mua, chuyển giao ứng dụng công nghệ sinh học; trong đó tập trung nghiên cứu, chuyển giao công nghệ mới, công nghệ có giá trị cao trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, y dược và bảo vệ môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức học tập, quán triệt Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tạo sự thống nhất, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bảo đảm phù hợp, hiệu quả, sát với tình hình thực tiễn địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo thể chế hóa Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy bằng các nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm, các nghị quyết chuyên đề trên các lĩnh vực liên quan và tăng cường giám sát việc thực hiện.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp với chính quyền các cấp lựa chọn những nội dung thiết thực để khuyến khích, động viên Nhân dân, doanh nghiệp tích cực tham gia phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học; tăng cường giám sát, phản biện trong quá trình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động

của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân và doanh nghiệp trong tỉnh.

5. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh.

Giao Ban cán sự đảng UBND tỉnh phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc; định kỳ hàng năm (*hoặc đột xuất*) báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Văn phòng Tỉnh ủy*) để theo dõi, chỉ đạo kịp thời.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (*để báo cáo*),
- Văn phòng Trung ương Đảng (*để báo cáo*),
- Ban Kinh tế Trung ương (*để báo cáo*),
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các cơ quan tham mưu Tỉnh ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các sở, ban, ngành,
- Các viện nghiên cứu, trường đại học,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nguyễn Khắc Toàn